

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-PT
Ngày 21 tháng 3 năm 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán:

Bà **Huỳnh Thị Kiều Anh**

Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Diễm Lệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Ông **Lâm Minh Q**, sinh năm 1926 và bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1938; Cùng địa chỉ: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đồng bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1958 và bà **Trần Thị O**, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị O: Anh **Nguyễn Chí C**, sinh năm 1987. Địa chỉ: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị O: Bà **Nguyễn Việt Q**, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Đức Hùng và Cộng sự.*

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Tuyết H
2. Chị Trương Mỹ H1
3. Chị Trương Mỹ N

Cùng địa chỉ: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Nguyễn Thị S. Nơi cư trú cuối cùng: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà Nguyễn Thị A. Nơi cư trú cuối cùng: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1950. Địa chỉ: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bà Trịnh Thị Kiều M, sinh năm 1969

8. Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1945

9. Bà Biện Thị B, sinh năm 1949

Cùng địa chỉ: đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C.

(Các đương sự ông Q, bà C, ông C, bà M và Luật sư Q có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa đồng nguyên đơn ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C thống nhất trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp ngang 4,5m x dài 12m = 54m² tọa lạc tại số 133, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là của ông Q và cha vợ là ông Huỳnh Văn T hùn tiền nhận chuyển nhượng của ông Văn Tồn vào năm 1963 đến 1965 tổng cộng hơn 30 công. Quá trình sử dụng đất đến năm 1969 ông Q và ông T đứng ra cất nhà máy tên Tân Ngọc Th. Năm 1976, Công ty lương thực mượn nhà máy và toàn bộ khu đất hơn 16.000m² và đổi tên là Toàn Th 5. Đến năm 1996, công ty Lương thực giao trả đất bằng Quyết định 1018 ngày 26/11/1996 của UBND tỉnh Minh Hải.

Do trong thời gian Công ty lương thực mượn đất nhưng quản lý lỏng lẻo dẫn đến một số người dân chiếm đất sử dụng trong đó có ông B, bà O. Ông đã

nhiều lần yêu cầu ông B và bà O trả đất nhưng phía bị đơn không đồng ý vì vậy tranh chấp đến nay. Ông Q và bà C yêu cầu ông B, bà O trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 85m² thuộc một phần thửa 12, 31 tờ bản đồ số 3, bản đồ thành lập năm 1999 (thửa số 03, tờ bản đồ số 02, bản đồ thành lập năm 2017) tọa lạc tại số 133, đường Võ Thị Sáu, khóm 8, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

** Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Chí Cường là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị O trình bày:*

Nguồn gốc đất của gia đình ông B, bà O đang sử dụng thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 02 bản đồ thành lập năm 2017 tại số 133, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là ông B, bà O nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Tuyết H vào năm 1990. Quá trình sử dụng đất trước khi ông B và bà O sử dụng là của vợ chồng cụ Nguyễn Văn S và Lê Thị T khai phá. Vào ngày 08/9/1980, ông Nguyễn Văn S và ông Trịnh Văn N có đổi đất với nhau, việc đổi đất được lập thành văn bản là “giấy trao đổi nhà cửa” có xác nhận của chính quyền địa phương, tuy việc trao đổi chỉ thể hiện trao đổi nhà cửa nhưng trên thực tế đổi luôn phần đất ao đìa xung quanh. Sau đó, năm 1987, ông Nết cho lại bà Lê Thị Tuyết H và ông Trương Văn H1 ở một phần đất khoảng 60m² cạnh mé ao.

Bà H và ông H1 có xây nhà ở ổn định trên đất đến năm 1990 thì bà H chuyển nhượng cho ông B, bà O, thời điểm chuyển nhượng không làm giấy tờ, nhưng ông B, bà O đã sinh sống và đóng thuế cho nhà nước từ năm 1990, đến năm 1998 thì hai bên làm hợp đồng mua bán nhà có xác nhận của chính quyền địa phương. Đối với phần đất còn lại đổi với ông Nguyễn Văn Song, ông Nết và bà Ba cho con ông bà là bà Trịnh Thị Kiều M. Năm 2002, bà Mai cho lại ông B, bà O thêm một phần đất diện tích chiều ngang 01m x chiều dài hết đất. Ông B và bà O đã sử dụng đất ổn định, mục đích sử dụng làm nhà ở từ năm 1990 đến nay nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết H trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trịnh Văn N chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn S. Sau đó, ông Nết có cho vợ chồng bà một phần đất để cất nhà ở, khi cho chỉ nói nói miệng, vợ chồng bà cất nhà ở được mấy năm thì bán lại cho ông B, bà O. Nay bà không có yêu cầu trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng M trình bày:* Ông là con của cụ Nguyễn Văn S và cụ Lê Thị T, trước năm 1975, cụ S có một phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời kỳ pháp thuộc (chế độ cũ), đến năm 1981, cụ Song đổi và bán nhà đất cho ông Trịnh Văn N, phần đất hiện nay đang tranh chấp là bờ đìa rộng đủ để cất nhà nên ông N có cho vợ chồng ông Trương Văn H1 (chồng bà Lê Thị Tuyết H) cất nhà ở. Ông H1, bà H ở được một thời gian thì sang bán lại cho ông B, bà O và ông B, bà O ở đến nay.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Kiều Mai trình bày:* Nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp là của ông Trịnh Văn N và bà Biện Thị B là cha mẹ ruột của bà nhận đổi đất với người hàng xóm là cụ Nguyễn Văn S. Năm 1986, ông Nết cho bà Lê Thị Tuyết H và chồng là ông Trương Văn H1 mượn đất cất nhà ở, đến năm 1998 thì bà H có bán nhà lại cho ông B, bà O. Đến năm 2002, ông N cho lại bà toàn bộ phần đất của ông Nết và bà đồng ý cho ông B, bà O phần đất có căn nhà để sử dụng và bà không có ý kiến, không có Tranh chấp đối với phần đất này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trương Mỹ Hiền, chị Trương Mỹ Ngọc, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị S, ông Trịnh Văn N và bà Biện Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Minh Q, bà Huỳnh Thị C đối với bà Trần Thị O và Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông B, bà O trả quyền sử dụng đất diện tích thuộc thửa đất số 12 và 31, tờ bản đồ 03 được thành lập 1999 (thửa số 3 tờ bản đồ số 2, theo hệ thống bản đồ năm 2017) tại Khóm 8, Phường 3, thành phố B, đất có định vị và số đo như sau:

Hướng Bắc giáp với đất của bà Trịnh Thị Kiều quản lý sử dụng có số đo 1,59m + 2,79m + 13,10m + 3,57m

Hướng Nam giáp với đường đất 01m có số đo 4,45m + 4,99m + 1,03m + 7,00m + 3,62m.

Hướng Đông giáp với lối đi chung có số đo 4,12m.

Hướng Tây giáp với phần đất của bà Trịnh Thị Kiều Mai có số đo 4,12m.

Tổng diện tích đất là 85 m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án số 175/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, chuyển hồ sơ về Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q cho rằng phần đất tranh chấp là của ông bà. Tuy nhiên, ông Q, bà C không có chứng cứ gì để chứng minh phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông bà trong khi bị đơn có quá trình sử dụng đất ổn định với mục đích làm nhà ở, đã đăng ký kê khai phần đất tranh

chấp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông bà Lê Tuyết Hằng, Trương Mỹ H, Trương Mỹ N, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Á, Nguyễn Hoàng M, Trịnh Văn N, Biện Thị B đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/09/2019 và bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

Hướng Bắc giáp với đất của bà Trịnh Thị Kiều quản lý sử dụng có số đo 1,59m + 2,79m + 13,10m + 3,57m

Hướng Nam giáp với đường đất 01m có số đo 4,45m + 4,99m + 1,03m + 7,00m + 3,62m.

Hướng Đông giáp với lối đi chung có số đo 4,12m.

Hướng Tây giáp với phần đất của bà Trịnh Thị Kiều Mai có số đo 4,12m.

Tổng diện tích đất là 85 m².

Thuộc thửa đất số 12 và 31, tờ bản đồ 03 được thành lập 1999 (thửa số 3 tờ bản đồ số 2, theo hệ thống bản đồ năm 2017)

[4] Xét đơn kháng cáo của ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà vì cho

rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp; chưa thu thập tài liệu chứng cứ từ các cơ quan chuyên môn quản lý về đất đai để xác định nội dung thửa đất 649 có phải là của ông Huỳnh Văn Tuệ hay không.

[4.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo bà Huỳnh Thị C và ông Lâm Minh Q xác định đất tranh chấp là của cụ Huỳnh Văn T nhận chuyển nhượng của ông Văn Tồn vào năm 1963 thuộc bằng khoán số 649. Để chứng minh cho phần đất tranh chấp thuộc bằng khoán 649 ông Q, bà C cung cấp cho Tòa án “*Chứng thư cấp quyền sở hữu*” ngày 06/3/1971 của chính quyền Cộng Hòa cấp cho ông Huỳnh Văn T tuy nhiên đây chỉ là bản photo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cung cấp xác nhận*”, do vậy tài liệu nêu trên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.2] Căn cứ Tờ lược giải ngày 06/01/1965 thể hiện nội dung ông Huỳnh Văn T và vợ là Trần Thị V được trọn quyền sở hữu bất động sản tại bằng khoán số 566 Châu Thành – Bạc Liêu.

[4.3] Mặt khác, tại Báo cáo kết luận số 1948/BC-TTCTP ngày 05/7/2010 của Thanh tra Chính phủ tại mục 2.2. Kết quả kiểm tra thể hiện nội dung như sau: “*Qua làm việc, bà Huỳnh Thị C cho rằng nguồn gốc đất cũ của gia đình bà thuộc 3 bằng khoán 564, 566, 567 nhưng bà chỉ đưa ra giấy tờ chứng minh được phần đất thuộc 2 bằng khoán số 566, 567 với tổng diện tích là 8.356m² (bao gồm cả đất bảo lưu ven sông), riêng bằng khoán 564 bà C cho rằng đất thuộc bằng khoán này cũng là của gia đình bà nhưng đã bị mất toàn bộ giấy tờ gốc*”.

[4.4] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp không thuộc phần đất ông bà được giao trả theo Quyết định 1018/QĐ-UB ngày 26/11/2006 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cũng không thuộc bằng khoán 564, 566 và 567 mà là thuộc bằng khoán 649 nhưng không chứng minh được ông T, bà Giang được sở hữu bằng khoán 649 như lời trình bày của nguyên đơn. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng năm 1975, do hoàn cảnh khó khăn ông Huỳnh Văn S đã mượn của ông bà phần đất để ở và cất nhà diện tích 30m² diện tích mặt tiền đường Võ Thị Sáu nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh có sự việc mượn đất nêu trên trong khi đó vào ngày 19/3/1966 ông Song đã được tỉnh Trưởng tỉnh Bạc Liêu – Việt Nam Cộng Hòa cấp giấy phép xây cất kiến trúc số 23 trên thửa đất bằng khoán số 649 (bút lục 397).

[4.5] Đối với việc quản lý sử dụng đất tranh chấp của bị đơn có nguồn gốc từ việc hoán đổi nhà theo giấy trao đổi nhà cửa ngày 08/9/1980 giữa vợ chồng cụ Nguyễn Văn S, cụ Lê Thị T với vợ chồng ông Trịnh Văn Nét, bà Biện Thị B. Trong quá trình ông Nét quản lý nhà và đất của ông Song thì đến năm 1986 ông Nét có cho vợ chồng bà Lê Thị Tuyết H1 và ông Trương Văn H mượn một phần đất để cất nhà ở, đến ngày 09/12/1998 bà Hằng, ông H có lập hợp đồng bán lại

căn nhà này cho ông B bà O có Ủy ban nhân dân phường 3 xác nhận, ông B có đứng tên đăng ký kê khai phần đất gắn liền với căn nhà tại thửa số 31 tờ bản đồ số 3 với diện tích 30,9m². Đối với phần căn nhà và đất ông Nết đổi với ông Song tại bằng khoán số 649 thì ông Nết tặng cho lại con là bà Trịnh Thị Kiều M và bà M có đăng ký kê khai tại thửa số 12 tờ bản đồ số 3 với diện tích 136m². Nay bà Mai xác định bà Mai đồng ý cho ông B, bà O toàn bộ phần đất gắn liền với căn nhà hiện nay ông B, bà O đang quản lý sử dụng có diện tích 85m². Theo hệ thống bản đồ địa chính năm 2017 đất thuộc thửa số 3 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn B đứng tên kê khai.

[5] Như vậy, có cơ sở để xác định từ năm 1966 ông Nguyễn Văn S, cụ Lê Thị T đến cụ Trịnh Văn N, Biện Thị B chuyển giao đến bà Lê Thị Tuyết H và ông Trương Văn H bà Trịnh Thị Kiều M đến ông B bà O là đã hơn 40 năm. Ông B, bà O cũng thực hiện việc kê khai quyền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định trong khi ông Q, bà C không có bất cứ chứng cứ chứng minh có trực tiếp sử dụng đất cũng không có bất cứ giấy tờ nào theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

[6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp giao nộp chứng cứ cho Tòa án tài liệu để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Ông Q, bà C là nguyên đơn phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q, bà C không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông bà. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác minh điều tra thu thập tài liệu chứng cứ rõ ràng, đúng quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lâm Minh Q, bà Huỳnh Thị C.

[8] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án số 175/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án số 175/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: Ông Q và bà C là người cao tuổi nhưng không có yêu cầu miễn án phí. Do đó, ông Q, bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C; Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 97, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Minh Q, bà Huỳnh Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị O trả quyền sử dụng diện tích thuộc thửa đất số 12 và 31, tờ bản đồ 03 được thành lập 1999 (thửa số 3 tờ bản đồ số 2, theo hệ thống bản đồ năm 2017) tại khóm 8, phường 3, thành phố B, đất có định vị và số đo như sau:

Hướng Bắc giáp với đất của bà Trịnh Thị Kiều quản lý sử dụng có số đo 1,59m + 2,79m + 13,10m + 3,57m

Hướng Nam giáp với đường đất 01m có số đo 4,45m + 4,99m + 1,03m + 7,00m + 3,62m.

Hướng Đông giáp với lối đi chung có số đo 4,12m.

Hướng Tây giáp với phần đất của bà Trịnh Thị Kiều Mai có số đo 4,12m.

Tổng diện tích đất là 85 m².

2. Về án phí: Ông Lâm Minh Q và bà Huỳnh Thị C mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông Q, bà C mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007987 và 0007988 cùng ngày 24/10/2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tp Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Trần Quang Khang

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố B (01 bản);
- CCTHADS thành phố B (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt